

ĐỀ SỐ 1

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Có công mài sắt, có ngày nên kim*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 4).

- Đọc đoạn 3 và 4.
- Trả lời câu hỏi: *Câu chuyện em vừa đọc đã khuyên em điều gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Ngày hôm qua đâu rồi?*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 10).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bạn nhỏ hỏi bố điều gì?

- a. Tờ lịch cũ đâu rồi?
- b. Ngày hôm qua đâu rồi?
- c. Hoa trong vườn đâu rồi?
- d. Hạt lúa mẹ trồng đâu rồi?

2. Người bố trả lời như thế nào trước câu hỏi của bạn nhỏ?

- a. Ngày hôm qua ở lại trên cành hoa trong vườn.
- b. Ngày hôm qua ở lại trong hạt lúa mẹ trồng.
- c. Ngày hôm qua ở lại trong vở hồng của con.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Bài thơ muốn nói với em điều gì?

- a. Thời gian rất cần cho bố.
- b. Thời gian rất cần cho mẹ.
- c. Thời gian rất đáng quý, cần tận dụng thời gian để học tập và làm điều có ích.
- d. Thời gian là vô tận cứ để thời gian trôi qua.

4. Từ nào chỉ đồ dùng học tập của học sinh?

- a. Tờ lịch.
- b. Vở.
- c. Cành hoa.

ĐỀ SỐ 2

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Làm việc thật là vui*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 16).

- Đọc đoạn cuối (Từ “*Như mọi vật ... đến cũng vui*”).
- Trả lời câu hỏi: *Em bé trong bài làm được những việc gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Phần thưởng.*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 13).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Câu chuyện nói về ai?

- a. Bạn Minh.
- b. Bạn Na.
- c. Cô giáo.
- d. Bạn Lan.

2. Bạn Na có đức tính gì?

- a. Học giỏi, chăm chỉ.
- b. Thích làm việc.
- c. Tốt bụng, hay giúp đỡ bạn bè.
- d. Nhường nhịn bạn bè, có tinh thần vượt khó.

3. Vì sao bạn Na được nhận thưởng?

- a. Na ngoan ngoãn, tốt bụng, biết san sẻ và giúp đỡ các bạn.
- b. Na học giỏi đều các môn.
- c. Na là một cán bộ lớp.
- d. Na biết nhường nhịn các bạn.

4. Khi Na nhận thưởng, những ai vui mừng?

- a. Bố Na.
- b. Mẹ Na.
- c. Bạn học cùng lớp với Na.

ĐỀ SỐ 3

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Bạn của Nai Nhỏ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 22).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Nai nhỏ xin phép cha đi đâu? Cha Nai Nhỏ nói gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Gọi bạn* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 28).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Đôi bạn Bê Vàng và Dê Trắng sống ở đâu?

- a. Trong trang trại.
- b. Trong rừng.
- c. Trong một chuồng nuôi gia súc của nhà nông.
- d. Trong một lều trại nhỏ bên dòng suối.

2. Vì sao Bê Vàng phải đi tìm cỏ?

- a. Trời hạn hán kéo dài.
- b. Suối cạn, cỏ héo khô.
- c. Bê Vàng và Dê Trắng không có cái để ăn.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Khi Bê Vàng quên đường về, Dê Trắng làm gì?

- a. Dê trắng rất thương bạn.
- b. Dê trắng rất nhớ bạn.
- c. Dê trắng chạy khắp nơi tìm Bê Vàng.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Vì sao đến bây giờ Dê Trắng vẫn kêu “ Bê! Bê!”?

- a. Dê Trắng đã tìm được bạn.
- b. Chưa tìm thấy bạn.
- c. Mừng rỡ khi gặp bạn.
- d. Xúc động khi gặp bạn.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 31).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Vì sao Hà khóc? Nghe lời thầy, Tuấn đã làm gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Trên chiếc bè

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 34).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Đế Mèn và Đế Trũi đi chơi xa bằng cách gì?

- a. Đi bằng thuyền.
- b. Đi bằng đôi cánh.
- c. Đi bằng việc ghép ba bốn lá bèo sen lại thành một cái bè.
- d. Tất cả các ý trên.

2. Trên đường đi, các bạn nhìn thấy mấy con vật?

- a. Một.
- b. Hai.
- c. Ba.
- d. Bốn.

3. Những từ ngữ nào chỉ thái độ khâm phục của các con vật đối với Đế Mèn và Đế Trũi?

- a. Bái phục.
- b. Âu yếm.
- c. Hoan nghênh.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Cuộc đi chơi của Đế Mèn và Đế Trũi có gì thú vị?

- a. Gặp nhiều cảnh đẹp ở dọc đường.
- b. Mở rộng tầm hiểu biết.
- c. Được bạn bè hoan nghênh, tán phục.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Tập chép): (5 điểm)

ĐỀ SỐ 5

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Chiếc bút mực*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 40).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Trong truyện có mấy nhân vật? Họ là ai?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Cái trống trường em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 45).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bạn học sinh xưng hô, trò chuyện như thế nào với cái trống?

- a. Gọi tên, xưng hô và trò chuyện thân mật.
- b. Xưng hô trò chuyện không thân mật.
- c. Xem trống như một đồ vật không bỏ ích.
- d. Xem trống như món ăn tinh thần.

2. Tìm hai từ chỉ hoạt động của cái trống:

- a. Mừng vui, lặng im.
- b. Ngẫm nghĩ, gọi.
- c. Nghiêng, vui.
- d. Buồn, vang.

3. Tìm hai từ chỉ người có trong bài thơ:

- a. Trống, em.
- b. Trường, gió.
- c. Mình, chúng em.
- d. Giọng, bọn.

4. Vì sao các bạn học trò rất yêu quý cái trống trường

- a. Trống gắn bó với các bạn.
- b. Trống là vật sử dụng có ích trong nhà trường.
- c. Trống là tài sản của nhà trường.
- d. Tất cả các ý trên.

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 48).

- Đọc đoạn 4.
- Trả lời câu hỏi: *Bạn gái nghe thấy mẩu nói gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Ngôi trường mới

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 50).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Tác giả tả ngôi trường theo thứ tự nào?

- a. Từ xa đến gần.
- b. Từ gần đến xa.
- c. Từ sáng đến trưa.
- d. Từ trưa đến chiều.

2. Những câu nào tả vẻ đẹp của ngôi trường?

- a. Những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.
- b. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế xoan đào nổi vân như lụa.
- c. Tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.
- d. Cả 3 ý trên.

3. Dưới mái trường mới, bạn học sinh cảm thấy có gì mới?

- a. Tiếng trống rung động kéo dài.
- b. Tiếng cô giáo trang nghiêm và ấm áp.
- c. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ.
- d. Các ý trên đều đúng.

4. Học dưới ngôi trường mới bạn học sinh có những cảm nhận gì?

- a. Nhìn ai cũng thấy thân thương.
- b. Nhìn mọi vật đều thấy thân thương.
- c. Các đồ dùng như chiếc thước kẻ, chiếc bút chì cũng rất đáng yêu.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Tập chép): (5 điểm)

Bài viết: Mẩu giấy vụn

ĐỀ SỐ 7

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Cô giáo lớp em*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 60).

- Đọc khổ thơ 2 và 3.
- Trả lời câu hỏi: *Những từ ngữ nào nói lên tình cảm của học sinh đối với cô giáo?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Người thầy cũ*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 56).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bố Dũng đến trường làm gì?

- a. Thăm các thầy (cô) giáo trong nhà trường.
- b. Để gặp thầy chủ nhiệm của Dũng.
- c. Để chào thầy giáo cũ của bố Dũng.
- d. Để đưa Dũng đi học.

2. Khi gặp thầy giáo cũ, bố Dũng thể hiện sự kính trọng như thế nào?

- a. Lạy mũ, lễ phép chào thầy.
- b. Nhắc kính, chớp mắt ngạc nhiên rồi chào thầy.
- c. Tươi cười, vui vẻ khi chào thầy.
- d. Xúc động khi chào thầy.

3. Bố Dũng nhớ nhất kỉ niệm gì về thầy?

- a. Trèo cửa sổ lớp bị thầy bắt gặp.
- b. Thầy không phạt mà chỉ buồn.
- c. Thầy khuyên “trước khi làm việc gì, cần phải suy nghĩ”.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Câu “Chú tìm đến lớp của con mình để chào thầy giáo cũ” thuộc mẫu câu nào?

- a. Ai là gì?
- b. Ai làm gì?
- c. Ai thế nào?

ĐỀ SỐ 8

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Người mẹ hiền* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 63).

- Đọc đoạn 1 và 2.
- Trả lời câu hỏi: *Giờ ra chơi, Minh rủ Nam đi đâu?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Bàn tay dịu dàng* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 66).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Vì sao An nghỉ học mấy ngày liền?

- a. Bị ốm.
- b. Bà An mất.
- c. Bị thầy giáo phạt.
- d. Không thích đi học.

2. Vì sao thầy giáo không trách An khi biết bạn ấy chưa làm bài?

- a. Gia đình An có chuyện buồn, thầy thông cảm cho An.
- b. An bị ốm.
- c. Thầy không muốn phê bình An vì bạn ấy học rất giỏi.
- d. Thầy giáo không quan tâm đến A.

3. Tìm những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm của thầy giáo đối với An.

- a. Nhẹ nhàng xoa đầu.
- b. Bàn tay thầy dịu dàng.
- c. Đầy trìu mến, thương yêu.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Từ nào có thể thay thế cho từ “lặng lẽ” trong bài?

- a. Trầm ngâm.
- b. Vắng vẻ.
- c. Hiên từ.
- d. Không có từ nào.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)